

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TUY HÒA
TỈNH PHÚ YÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 57/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 24-5-2024.

V/v: Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUY HÒA, TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khánh Thoa;

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Phú Hòa;

Bà Bùi Thị Lê

- Thư ký phiên tòa: Ông Thái Đức Duy, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 479/2023/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2023 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/4/2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Tuyết S, sinh năm 1993; cư trú tại: khu phố L, phường H, thị xã H, tỉnh Bình Định; vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Quốc S, sinh năm 1988; cư trú tại: số M đường T, Phường K, thành phố T, tỉnh Phú Yên; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn xin ly hôn ngày 30/8/2023 và quá trình tố tụng tại Toà án, nguyên đơn chị Trần Thị Tuyết S trình bày: Chị và anh Nguyễn Quốc S tự nguyện tìm hiểu và kết hôn năm 2016 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thị xã H, tỉnh Bình Định. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp; vợ chồng đã nhiều lần hoà giải nhưng không thành. Anh S bỏ nhà đi từ năm 2020, không lo cho vợ con; hai người sống ly thân từ thời gian đó đến nay. Nay, chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài nên yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh S.

Về con chung: Có một con chung là Nguyễn Trần Cẩm T, sinh ngày 11/9/2016, con hiện đang ở với chị. Ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ trả nợ: Không có.

Bị đơn anh Nguyễn Quốc S đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên không có lời khai.

Do bị đơn vắng mặt nên Toà án không tiến hành hoà giải được.

Tại phiên toà, Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên toà đã tuân theo đúng quy định của pháp luật; nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật; bị đơn vắng mặt không có lý do là không thực hiện đúng về quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự nên phải chịu hậu quả pháp lý của việc không chấp hành pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các điều 51, 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị Tuyết S yêu cầu được ly hôn với bị đơn anh Nguyễn Quốc S. Về con chung: giao con chung cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng; bị đơn không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Trần Thị Tuyết S có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn anh Nguyễn Quốc S đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn chị Trần Thị Tuyết S và bị đơn anh Nguyễn Quốc S kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn năm 2016 tại Ủy ban nhân dân phường H, thị xã H, tỉnh Bình Định là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2020 xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp. Nay, nguyên đơn yêu cầu được ly hôn với bị đơn. Xét thấy, nguyên đơn và bị đơn thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, đã tự hoà giải với nhau nhưng không khắc phục được; hai người đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay, không còn quan tâm đến nhau là không thực hiện đúng theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình về tình nghĩa vợ chồng dẫn đến hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống

chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn là có cơ sở, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị của Kiểm sát viên, cho nguyên đơn được ly hôn với bị đơn.

[3] Về con chung: Nguyên đơn và bị đơn có một con chung là Nguyễn Trần Cẩm T, sinh ngày 11/9/2016, hiện đang ở với nguyên đơn. Ly hôn, nguyên đơn yêu cầu được trực tiếp nuôi con là phù hợp với nguyện vọng của cháu T và đúng quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, giao con chung cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng. Nguyên đơn không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí:

Nguyên đơn phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các điều 51, 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị Trần Thị Tuyết S được ly hôn với anh Nguyễn Quốc S.

2. Về nuôi con chung: Giao con Nguyễn Trần Cẩm T, sinh ngày 11/9/2016 cho nguyên đơn chị Trần Thị Tuyết S trực tiếp nuôi dưỡng. Bị đơn anh Nguyễn Quốc S không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bị đơn có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí: Nguyên đơn chị Trần Thị Tuyết S phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng tại Biên lai số 0012668 ngày 30/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuy Hoà, tỉnh Phú Yên.

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận

- Các đương sự;
- VKSND TP. Tuy Hòa;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- UBND P. H,
TX. H, tỉnh Bình Định;
- Chi cục THADS TP. Tuy Hoà
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Khánh Thoa